

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST

Ngày: 13 - 9 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yên Nhi - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-KDTM ngày 10/4/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ trụ sở: số F, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Vinh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1992, chức vụ: Giám đốc (có mặt)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ trụ sở chính: số 249/5/17, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vinh Long. Địa chỉ liên hệ: số H, đường B, khóm N, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H1, sinh năm 1969, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ cư trú: số B, Khóm C, Phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long, địa chỉ liên lạc: Lô G, khóm N, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Ngọc H2 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Lô G, khóm N, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ liên hệ: số H, đường B, khóm N, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 01/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH T (Công ty T) trình bày:

Ngày 25/8/2020, Công ty T và Công ty Cổ phần Đ (Công ty Đ) xác lập Hợp đồng mua bán hàng hóa là thiết bị vệ sinh, gạch men, sơn nước với tổng giá trị hợp đồng 223.933.000 đồng; thời hạn thanh toán 60 ngày tính từ ngày nhận đủ hàng; nếu thanh toán chậm thì bên mua phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP C tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Công ty T đã giao Công ty Đ đủ hàng hóa theo thỏa thuận. Công ty Đ thanh toán Công ty T một phần tiền hàng, còn nợ 01 đơn hàng trị giá 164.871.000 đồng. Tháng 7/2021, Công ty T thu hồi hàng hóa theo hóa đơn bán hàng tương ứng với số tiền 93.294.180 đồng, công nợ còn lại 71.576.820 đồng.

Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả nguyên đơn tiền hàng còn nợ 71.576.820 đồng và trả tiền lãi với lãi suất 7,5%/năm từ ngày giao hàng 25/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn Công ty Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc H2:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của Công ty Đ và chị Lê Ngọc H2. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do đương sự vắng mặt hai lần không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty Đ trả nguyên đơn tiền nợ 71.491.420 đồng, tiền lãi chậm trả với lãi suất 7,5%/năm tính từ ngày 26/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền nợ có sự chênh lệch giảm 85.400 đồng so với đơn khởi kiện vì nguyên đơn có nhầm ở đơn khởi kiện. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng, đều vắng mặt không lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 30, 35, 40, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 24, 50, 55 của

Luật Thương mại năm 2005; các Điều 3, 85, 134, 430, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Buộc Công ty Đ trả Công ty T tổng số tiền gốc, lãi là 86.951.500 đồng. Buộc Công ty Đ nộp số tiền 4.347.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty T khởi kiện Công ty Đ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và chị Lê Ngọc H2. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 30, 35, 39, 186, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty T với Công ty Đ được xác lập bằng văn bản, được hai công ty tự nguyện ký kết. Hàng hóa được giao dịch là thiết bị vệ sinh, gạch men, sơn nước với tổng giá trị 223.933.000 đồng. Công ty Đ đã thanh toán tiền hàng và còn nợ Công ty T số tiền 71.491.420 đồng. Bị đơn được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không phản đối tình tiết, tài liệu nguyên đơn đưa ra nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc Công ty Đ trả Công ty T số tiền nợ 71.491.420 đồng.

[3] Hợp đồng mua bán hàng hóa được Công ty T và Công ty Đ thỏa thuận về việc trả lãi tiền hàng do chậm thanh toán. Hàng hóa được Công ty T giao vào ngày 25/8/2020, theo thỏa thuận thì tiền hàng thanh toán trong thời hạn 60 ngày tính từ ngày nhận đủ hàng. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi số tiền nợ chậm trả với lãi suất 7,5%/năm (tương đương 0,625%/tháng) từ ngày 26/10/2020 (sau mốc 60 ngày) đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp sự thỏa thuận các đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Công ty Đ phải trả tiền lãi chậm trả như sau: 71.491.420 đồng x 0,625%/tháng x 34 tháng 18 ngày = 15.460.018 đồng.

Tổng cộng tiền hàng và tiền lãi mà bị đơn phải trả nguyên đơn: 86.951.500 đồng.

[4] Án phí: Buộc Công ty Đ nộp số tiền 4.347.500 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 186, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 2

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

Buộc Công ty Cổ phần Đ trả Công ty TNHH T tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi 86.951.500 đồng (tám mươi sáu triệu chín trăm năm mươi một ngàn năm trăm đồng), trong đó: nợ gốc 71.491.420 đồng (bảy mươi một triệu bốn trăm chín mươi một ngàn bốn trăm hai mươi đồng), nợ lãi 15.460.018 đồng (mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi ngàn không trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Buộc Công ty Cổ phần Đ nộp số tiền 4.347.500 đồng (bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm 2.102.000 đồng (hai triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0001974 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 3;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

